

Bản án số: 695/2022/DS-PT
Ngày: 28-9-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2022/TLPT-DS ngày 12/5/2022, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 24/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1868/2022/QĐPT-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn K, sinh năm 1956; Địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Văn K: Bà Nguyễn Bé C, sinh năm 1957; Địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (Văn bản uỷ quyền 24/4/2017, có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1951; Địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Bé C, sinh năm 1957 (có mặt).

2. Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của ông Liêu: Ông Ngô Trường S, sinh năm 1963; Địa chỉ: 3 Tạ Uyên, khóm 4, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Văn bản uỷ quyền ngày 26/9/2022, có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1954 (vắng mặt).

4. Ông Trần Văn V, sinh năm 1977 (vắng mặt).

5. Ông Trần Văn T, sinh năm 1982 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bà Giàu, ông Vũ: Ông Trần Văn T (có căn cước nêu trên, theo văn bản uỷ quyền 09/10/2017, có mặt).

6. Ủy ban nhân dân huyện T; Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Thới Bình, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hoàng A; Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (vắng mặt).

7. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Cao Minh T; Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Trí Phú thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Đỗ Văn K là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Bé C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Năm 1975, ông Đỗ Văn K được cha là ông Đỗ Văn Thom để lại phần đất diện tích 28.130m² tọa lạc tại ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Ông Đỗ Văn K quản lý canh tác từ 1975 đến năm 1979; từ năm 1979 đến năm 1985, ông Đỗ Văn K có cho ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Thành N mượn canh tác. Sau khi ông Nguyễn Văn C và ông Nhơn trả đất, ông Đỗ Văn K tiếp tục quản lý phần đất nhưng do đất bị nhiễm phèn nên có năm canh tác, có năm không. Vào năm 1990, ông Đỗ Văn K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa số 199, 202, 203 tờ bản đồ số 01, diện tích 23.790m². Năm 2000, ông Kháng phát hiện ông Trần Văn T đem cây cặm vào phần đất của gia đình ông Đỗ Văn K, ông Đỗ Văn K có báo chính quyền địa phương và phát sinh tranh chấp cho đến nay. Đến năm 2003, ông Đỗ Văn K mới phát hiện quyền sử dụng đất của ông thiếu 4.340m², phần đất này được cấp cho ông Trần Văn T diện tích 4.340m² thuộc thửa số 204, tờ bản đồ số 01. Do đó, ông Đỗ Văn K khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn T trả lại phần đất lấn chiếm 4.340m² (diện tích theo đo đạc 8.134,1m²) đất tọa lạc tại ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trần Văn T đối với phần đất tranh chấp. Ngày 22/4/2020, bà Nguyễn Bé C có đơn xin rút lại yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trần Văn T đối với phần đất tranh chấp. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Bé C thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Đỗ Văn K, buộc ông Trần Văn T chấm dứt hành vi cản trở ông Đỗ Văn K sử dụng đất.

Ông Trần Văn T trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp 4.340m² (diện tích theo đo đạc

8.134,1m²) nêu trên nằm trong tổng diện tích đất của cha ông Trần Văn T là Trần Văn Ninh cho ông Trần Văn T, diện tích khoảng hơn 27.030m², gia đình ông Trần Văn T quản lý sử dụng từ năm 1975. Năm 1993, ông Trần Văn T được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 27.030m² gồm các thửa 185,189, 191, 192, 204, 205, tờ bản đồ số 01. Phần đất này ông Trần Văn T đã quản lý sử dụng ổn định.

Phần đất tranh chấp trước đây cha ông Trần Văn T đã lên bờ bao chu vi, do canh tác một thời gian bị sạt lở nên ông mới đưa xáng vào mức để bao chu vi lại vào năm 2000. Ông Trần Văn T canh tác đến khoảng năm 2007-2008 xảy ra tranh chấp với ông Đỗ Văn K. Ông Trần Văn T không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn K.

Hiện tại, ông đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thới Bình vay số tiền 160.000.000 đồng. Đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng, ông đồng ý thanh toán nợ theo yêu cầu của Ngân hàng.

Ông Đỗ Văn L trình bày: Ông Liều thống nhất với trình bày và yêu cầu của bà Nguyễn Bé C.

Ông Trần Văn T trình bày: Ông Tuấn thống nhất với trình bày của ông Trần Văn T. Ông Tuấn không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông Đỗ Văn K, vì phần đất tranh chấp của gia đình ông.

Đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:

Ngày 01/4/2019, ông Trần Văn T có ký Hợp đồng tín dụng số 7502-LAV-201901525 để vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện T số tiền vốn 160.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng (đến 31/3/2021), lãi suất 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Để đảm bảo cho khoản vay, ông Trần Văn T có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 160440 cấp ngày 27/4/1993 diện tích 27.030m² do ông Trần Văn T đứng tên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 22100/HĐTC ngày 15/3/2012. Do hiện nay phần đất ông Đỗ Văn K tranh chấp với ông Trần Văn T liên quan đến phần đất ông Trần Văn T đứng tên quyền sử dụng đất đã thế chấp, nên Ngân hàng yêu cầu ông Trần Văn T thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc 160.000.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày 08/02/2022 là 31.395.890 đồng, tổng nợ gốc và lãi là 191.395.890 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 34, Điều 37, khoản 1 và khoản 2 Điều 228, khoản 1 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 203 Luật Đất đai;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

[1] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn K về việc hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trần Văn T đối với phần đất tranh chấp.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn K về việc công nhận phần đất tranh chấp diện tích theo đo đạc thực tế 7.773,4m² tọa lạc tại ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau thuộc quyền sử dụng của ông Đỗ Văn K và buộc ông Trần Văn T chấm dứt hành vi cản trở ông Đỗ Văn K sử dụng đất. Vị trí, ranh giới, kích thước phần đất tranh chấp được thể hiện tại Bản Trích đo hiện trạng ngày 30/6/2020 của Trung tâm kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau (có Bản trích đo hiện trạng kèm theo).

[3] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị G liên đới trả cho Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh tính đến ngày 08/02/2022 là 31.395.890 đồng, tổng cộng nợ gốc và lãi là 191.395.890 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 08/02/2022, ông Trần Văn T và bà Giàu còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Trần Văn T và bà Giàu phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cũng sẽ được điều chỉnh theo sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Đối với quyền sử dụng đất ông Trần Văn T và bà Giàu đã thế chấp cho Ngân hàng, trường hợp ông Trần Văn T và bà Giàu không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/3/2022, ông Đỗ Văn K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Bé C là người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Văn K không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Ông Trần Văn T không đồng ý với kháng cáo của ông Đỗ Văn K. Ông Ngô Trường S là người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Văn L có cùng yêu cầu với bà Nguyễn Bé C. Ông Trần Văn T có cùng ý kiến với ông Trần Văn T. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận các đương sự trình bày ý kiến như sau:

Ông Ngô Trường S: Việc tranh chấp đất giữa ông Đỗ Văn K và ông

Trần Văn T chưa được hoà giải tại UBND xã Trí Phải theo quy định. Ông Trần Văn T không trực tiếp canh tác đất từ trước đến nay. Trên thực tế con lung chia cắt đất của ông Đỗ Văn K thành hai bên nhưng bản án sơ thẩm cho rằng con lung này cắt đôi đất của ông Đỗ Văn K và ông Trần Văn T là không chính xác. Nhân chứng mà ông Trần Văn T đưa ra là những người bà con của ông Trần Văn T nên không khách quan. Ông Sơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn K, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn K. Trường hợp không thể sửa bản án sơ thẩm thì đề nghị huỷ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Bé C đồng ý với lời trình bày và đề nghị của ông Sơn.

Ông Trần Văn T và Trần Văn T,: Nhân chứng bảo vệ cho ông Trần Văn T là người bà con cô cậu ruột của ông Đỗ Văn K. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn K và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật: Xét thấy, Thẩm phán chủ tọa phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn xét xử phúc thẩm.

2. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Đỗ Văn K làm trong thời hạn, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm đã xem xét đánh giá đầy đủ các chứng cứ trong vụ án và tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn K là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm bà Nguyễn Bé C, ông Sơn không xuất trình được chứng cứ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn K và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Đỗ Văn K làm trong thời hạn. Ông Đỗ Văn K sinh năm 1956 là người cao tuổi nên được miễn tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Do đó, đơn kháng cáo của ông Đỗ Văn K đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đỗ Văn K cho rằng phần đất có diện tích 7.773,4m² thuộc các thửa 3, 4, 5, tờ bản đồ số 01 (Bản trích đo ngày 30/6/2020), tọa lạc tại ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình, nên khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn T trả lại phần đất nêu trên; đồng thời yêu cầu huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trần Văn T. Do đó, Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý, xét xử vụ án là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 6, khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo:

[3.1] Tại Biên bản hoà giải ngày 04/8/2011 (bút lục số 21) thể hiện UBND xã Trí Phải đã tiến hành hoà giải việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Đỗ Văn K và ông Trần Văn T với thành phần đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, việc ông Ngô Trường S cho rằng việc tranh chấp đất giữa hai bên chưa được hoà giải tại UBND xã là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.2] Tại Sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền số 01 ngày 02/9/1990 (các bút lục số 203, 208-209) thể hiện: Theo Quyết định số 117/QĐUB của UBND huyện T cấp cho ông Trần Văn T diện tích 27.030 m², cấp cho ông Đỗ Văn K diện tích 23.790 m².

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp cho ông Đỗ Văn K vào năm 1990 thể hiện ông Đỗ Văn K được cấp 03 thửa đất gồm thửa số 199, 202, 203 với tổng diện tích là 23.790 m²; không có diện tích phần con Lung.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp cho ông Trần Văn T thể hiện ông Trần Văn T được cấp 06 thửa đất gồm thửa số 191, 192, 185, 189, 204, 205 với tổng diện tích 27.030 m².

Ông Đỗ Văn K cho rằng phần đất tranh chấp thuộc thửa 209, cả ông và ông Trần Văn T chưa được cấp giấy chứng nhận đối với phần đất này. Tuy nhiên, tại Công văn số 1917/UBND ngày 04/8/2020 của UBND huyện T xác định “*Theo tài liệu đo đạc năm 1990, thửa đất số 204, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.340m² trùng một phần với thửa 209, tờ bản đồ số 7, diện tích 5.598m² theo nguồn tài liệu kê khai đăng ký đo đạc năm 2003*”. Theo Sổ mục kê đất năm 2003, thì thửa đất số 209, tờ bản đồ số 7 là do ông Trần Văn T đứng tên.

Do đó, có căn cứ để xác định diện tích đất tranh chấp 7.773,4m² là của ông Trần Văn T đăng ký kê khai, đứng tên trên sổ mục kê và đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993.

[3.3] Xét quá trình sử dụng đất của các bên:

Cả ông Đỗ Văn K và ông Trần Văn T đều khẳng định mình sử dụng.

Ông Đỗ Văn K khẳng định ông có sử dụng phần đất tranh chấp nhưng do đất nhiễm phèn nên ông không sử dụng liên tục, có năm sử dụng có năm không. Tuy nhiên ông không có tài liệu gì chứng minh là ông Đỗ Văn K có sử dụng phần đất tranh chấp.

Đối với các biên lai thuê do ông Đỗ Văn K cung cấp cho Tòa án chỉ thể hiện ông có đóng thuế đất chứ không thể hiện đóng thuế trên diện tích bao nhiêu và cũng không thể hiện ông có sử dụng phần diện tích đất tranh chấp.

Ngược lại, phần đất tranh chấp đã được phía gia đình ông Trần Văn T lên bờ bao chu vi, canh tác một thời gian bị sạt lở đến năm 2000 phía ông Trần Văn T đã đào đất đắp bờ bao chu vi lại nhưng phía không Đỗ Văn K cũng không có ý kiến gì và cũng không ngăn cản, đến năm 2007 mới phát sinh tranh chấp (tại biên bản hoà giải của Ủy ban nhân dân xã Trí Phải ngày 04/8/2011, ông Đỗ Văn K trình bày giữa ông và ông Trần Văn T tranh chấp vào năm

2007).

Mặt khác, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp cho ông Đỗ Văn K diện tích 23.790 m² nhưng ông không có khiếu nại gì đối với diện tích được cấp.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy, phía ông Đỗ Văn K không có đăng ký kê khai đối với phần đất tranh chấp, phần đất này cũng không nằm trong giấy chứng nhận của ông Đỗ Văn K và ông Đỗ Văn K cũng không có chứng minh được ông có sử dụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn K là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.4] Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trần Văn T: Ông Đỗ Văn K đã tự nguyện rút yêu cầu này nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử là đúng pháp luật.

[3.5] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam: Trên cơ sở thừa nhận số tiền đã nợ của ngân hàng, đồng ý thanh toán nợ theo yêu cầu của ngân hàng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Trần Văn T có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đã vay cho ngân hàng là đúng pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy tại cấp phúc thẩm, bà Nguyễn Bé C là người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Văn K không xuất trình được chứng cứ nào mới. Do đó, kháng cáo của ông Đỗ Văn K là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đỗ Văn K phải chịu án phí. Tuy nhiên, ông Đỗ Văn K là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn K. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 24/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 34, Điều 37, khoản 1 và khoản 2 Điều 228, khoản 1 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 203 Luật Đất đai;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

[1] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn K, về việc hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trần Văn T.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn K, về việc yêu cầu công nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 7.773,4m², thuộc các thửa 3, 4, 5, tờ bản đồ số 01 (Bản trích đo ngày 30/6/2020, tọa lạc tại ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau thuộc quyền sử dụng của ông Đỗ Văn K và buộc ông Trần Văn T chấm dứt hành vi cản trở ông Đỗ Văn K sử dụng đất.

Vị trí, ranh giới, kích thước phần đất tranh chấp được thể hiện tại Bản Trích đo hiện trạng ngày 30/6/2020 của Trung tâm kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau (có Bản trích đo hiện trạng kèm theo).

[3] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị G liên đới trả cho Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền nợ gốc 160.000.000 (ghi bằng chữ) đồng và nợ lãi phát sinh tính đến ngày 08/02/2022 là 31.395.890 đồng, tổng cộng nợ gốc và lãi là 191.395.890 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng, nếu ông Trần Văn T, bà Giàu chưa thanh toán số tiền nêu trên, thì phải chịu lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo mức lãi suất mà hai bên đã thoả thuận trong hợp đồng đã thiết lập.

Trường hợp ông Trần Văn T, bà Giàu không trả được nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đỗ Văn K.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự (9);
- Lưu: VP, HS, 18b (án HQ)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Văn Khoa